

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày: 08-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sô Lan Tài

Bà Lê Thị Thu Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/LTST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Đoàn Thị L; tên gọi khác: Không; sinh năm 1979, tại huyện V, tỉnh B; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Mang L, sinh năm 1954 và bà Đoàn Thị B, sinh năm 1956; anh, chị, em: Có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; có chồng: Lê Ngọc L, sinh năm 1976 và 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị L :** Bà Phan Thị Ngọc H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B

* **Bị hại:** Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1987 “có mặt”.

Địa chỉ: Làng H, xã C, huyện V, tỉnh B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đoàn Thị H: Bà Lê Tôn Nữ Kim Y - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B “có mặt”.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Mộc Ngọc B, sinh năm 1988.

- Anh Phạm Văn L, sinh năm 1994.

Đồng địa chỉ: Thôn H, xã C1, huyện V, tỉnh B.

(Anh B và anh L vắng mặt)

** Người làm chứng:*

- Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1956 “có mặt”.

- Anh Đoàn Văn N, sinh năm 1985 “vắng mặt”.

Đồng địa chỉ: Làng H, xã C, huyện V, tỉnh B.

- Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1969 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Số nhà 40 Trần P, TT. D, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút, vào một ngày cuối tháng 5/2021, bị cáo Đoàn Thị Llen lút đột nhập vào nhà chị Đoàn Thị H là em ruột của Liễu ở làng H, xã C, huyện V, tỉnh B bằng cửa bên hông nhà. Bị cáo lục tìm trong tủ đựng quần áo tại phòng sinh hoạt chung của gia đình chị H phát hiện số vàng để trong túi ni lông màu vàng gồm: 01 (một) chiếc dây chuyền vàng y 5,99 chỉ, có đặc điểm loại dây hình ống rế, có mặt hình lá đập khuôn; 01 (một) dây chuyền vàng tây 68%, có đặc điểm loại dây mì được đúc mịn, không có mặt; 01 (một) dây chuyền vàng tây 1,39 chỉ có đặc điểm loại dây từng đoạn ống trúc và đoàn dây lật xen kẽ nhau, không có mặt; 01 (một) dây chuyền vàng tây 61%, có đặc điểm loại dây xoắn, có mặt hình giọt nước; 01 (một) đôi bông tai vàng tây 8,6 phân, có đặc điểm loại ốc nhận, hình trái châu; 01 (một) chiếc vòng tay vàng tây 1,9 chỉ, có đặc điểm loại vòng tròn nhẫn, có mặt hình trái châu; 01 (một) chiếc nhẫn vàng y 01 chỉ; 01 (một) lắc tay vàng y 03 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn vàng tây 09 phân, có đặc điểm loại vòng tròn nhẫn, có mặt là hai hạt hình trái châu và hai hạt bi xen kẽ; 01 (một) đôi bông tai vàng tây 8,2 phân, có đặc điểm loại ốc kẹp, có gắn các sợi dây mì đúc mịn. Sau khi chiếm đoạt số vàng trên bị cáo tẩu thoát theo lối cũ đã vào. Ngày hôm sau, bị cáo mang một chiếc nhẫn vàng y 01 chỉ và 01 lắc tay vàng y 03 chỉ bán cho tiệm vàng M thuộc thị trấn D, huyện T, tỉnh B với giá 21.000.000 đồng. Số tiền này, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/6/2021, bị cáo mang số vàng bao gồm: 01 (một) dây chuyền vàng y 5,99 chỉ; 01 (một) dây chuyền vàng tây 68%; 01 (một) dây chuyền vàng tây 1,39 chỉ; 01 (một) dây chuyền vàng tây 61%; 01 (một) đôi bông tai vàng tây 8,6 phân; 01 (một) chiếc vòng tay vàng tây 1,9 chỉ để trên sạp tre tại hiên nhà chị Đoàn Thị H. Ngày 09/6/2021, bị cáo cho Mộc Ngọc B mượn 01 (một) chiếc nhẫn vàng tây 09 phân mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Đoàn Thị H. Sau đó, B cầm cố chiếc nhẫn này cho Phạm Văn L ở cùng địa phương để lấy số tiền 2.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, B trả tiền cho L, nhận lại chiếc nhẫn và sau đó trả lại cho bị cáo. Ngày 11/6/2021, bị cáo đến Công an huyện V để tự thú về hành vi phạm tội của mình; đồng thời mượn bà Đoàn Thị B (mẹ ruột của bị cáo và chị H) 04 chỉ vàng y để bồi thường cho chị Đoàn Thị H. Đến ngày 15/6/2021, bị cáo đến nhà bà Đoàn Thị B trả cho chị Đoàn Thị H 01 (một) chiếc nhẫn vàng tây 09 phân; 01 (một) đôi bông tai vàng tây 8,2 phân.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 17/KLHĐ ngày 29/6/2021 của Hội đồng

định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận số vàng bị cáo chiếm đoạt của chị Đoàn Thị H có tổng trị giá 89.011.000 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm mười một nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B truy tố bị cáo Đoàn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, người phạm tội thành khẩn khai báo, người phạm ăn năn hối cải, người phạm tội tự thú”; bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang điều trị bệnh u nan buồn trúng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, được bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là hộ cận nghèo.

Đối với Mộc Ngọc B, Phạm Văn L không biết chiếc nhẫn vàng tây 09 phân là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với B và L là có căn cứ.

* Trợ giúp viên pháp lý, bà Phan Thị Ngọc H bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị L trình bày: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội đề nghị miễn tiền án phí HSST cho bị cáo vì bị cáo là hộ cận nghèo.

* Trợ giúp viên pháp lý, bà Lê Tôn Nữ Kim Y là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đoàn Thị H thống nhất với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, được bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vân Canh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận tội, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Đoàn Thị L có đầy đủ sức khỏe, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rõ tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng để có tiền trả nợ cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của em ruột bị cáo là chị Đoàn Thị nên khoảng 22 giờ 30 phút, vào một ngày cuối tháng 5/2021 lợi dụng lúc cả nhà chị H đi ngủ, bị cáo đã lén lút vào nhà của chị Đoàn Thị H chiếm đoạt số nữ trang bằng vàng có tổng trị giá 89.011.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra, cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy một phần cũng là do lỗi của bị hại, đã sơ hở, lỏng lẻo trong việc quản lý, giữ gìn tài sản nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Xét về nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, đã tự thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Mặt khác, bị cáo là lao động chính trong gia đình; thuộc diện hộ cận nghèo và mới mổ u nan buồng trứng đang điều trị bệnh, sức khỏe chưa được ổn định. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng. Nhận thấy bị cáo có khả năng cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đảm bảo mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) “ thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Tòa không xem xét.

[7] Đối với Mộc Ngọc B, Phạm Văn L không biết chiếc nhẫn vàng tây 09 phân là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với B và L là có căn cứ.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của bà Phan Thị Ngọc H, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị L đã thống nhất về tội danh và Điều luật áp dụng xử phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, việc bà H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của bà Lê Tôn Nữ Kim Y, Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đoàn Thị H đã thống nhất với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về dân sự: Không đề nghị bồi thường dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, về hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[11] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì thuộc diện hộ cận nghèo có đơn xin miễn giảm theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị L 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đoàn Thị L.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Vân Canh;
- VKSND huyện Vân Canh;
- VKDND tỉnh Bình Định;
- THADS huyện Vân Canh;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- UBND xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Phương